

Số: 131 /2014/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 16 tháng 7 năm 2014

**NGHỊ QUYẾT**

**Về nội dung chi, mức chi thực hiện các hoạt động  
kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 2813/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Trên cơ sở Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi bảo đảm cho việc thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) trên địa bàn tỉnh.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với:

- Hoạt động kiểm soát TTHC trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức;

- Hoạt động kiểm soát thủ tục xử lý vi phạm hành chính; thủ tục thanh tra và thủ tục hành chính có nội dung bí mật nhà nước.

## 2. Đối tượng áp dụng:

a) Sở Tư pháp;

b) Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các cấp khi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

## **Điều 2. Nội dung chi và mức chi**

### 1. Nội dung chi đặc thù:

a) Chi cập nhật, công bố, công khai, kiểm soát chất lượng và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC;

b) Chi cho ý kiến đối với TTHC quy định trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

c) Chi cho các hoạt động rà soát độc lập các quy định về TTHC;

d) Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đối với các quy định về thủ tục hành chính, các phương án đơn giản hoá TTHC (cấp huyện, cấp xã áp dụng cho việc họp thông qua các phương án đơn giản hóa TTHC)

đ) Chi báo cáo kết quả rà soát, đánh giá theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực;

e) Chi báo cáo năm, đột xuất về công tác kiểm soát TTHC; công tác tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh;

g) Chi hỗ trợ cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát TTHC tại các Sở, ngành, địa phương: Đối với các sở, ngành, huyện: hỗ trợ tối đa không quá 2 người/đơn vị; đối với các xã: hỗ trợ 01 người/đơn vị.

2. Mức chi đặc thù đảm bảo thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính (theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này);

3. Đối với các nội dung chi khác đảm bảo cho công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh không được quy định cụ thể tại Nghị quyết này thì được thực hiện theo Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát TTHC và các quy định hiện hành.

## **Điều 3. Nguồn kinh phí**

1. Kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện các hoạt động kiểm soát TTHC tại cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp nào thì do ngân sách cấp đó chi trả và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Ngoài kinh phí do ngân sách địa phương bảo đảm, các cơ quan, các đơn vị được huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp khác để tăng cường thực hiện công tác kiểm soát TTHC thuộc phạm vi quản lý.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An, khóa XVI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2014 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày được thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (đề b/c);
- VP Quốc hội; VP Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản) (đề b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT



**CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Châu**



**PHỤ LỤC**

**Mức chi đặc thù đảm bảo thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 131/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi cập nhật, công bố, công khai, kiểm soát chất lượng và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC				
a	Chi cập nhật TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (Chỉ áp dụng đối với Phòng Kiểm soát TTHC - Sở Tư pháp)				
-	Nhập dữ liệu có cấu trúc	01 Mục tin	200	0	0
-	Nhập dữ liệu phi cấu trúc	01 Trang	6.200	0	0
-	Nhập TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia	01 Thủ tục	22.400	0	0
b	Chi công bố, công khai thủ tục hành chính	Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp			
2	Chi cho ý kiến đối với TTHC quy định trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	01 Văn bản	200.000	0	0
3	Chi cho các hoạt động rà soát độc lập các quy định về TTHC				
a	Chi lập mẫu rà soát (Phiếu mẫu được duyệt)				
-	Đến 30 chỉ tiêu	01 Mẫu	600.000	0	0
-	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	01 Mẫu	800.000	0	0
-	Trên 40 chỉ tiêu	01 Mẫu	1.200.000	0	0
b	Chi điền mẫu rà soát				
-	Đối với cá nhân				

*ql*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
+	Đến 30 chỉ tiêu	01 Mẫu	24.000		
+	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	01 Mẫu	32.000		
+	Trên 40 chỉ tiêu	01 Mẫu	40.000		
-	<i>Đối với tổ chức</i>				
+	Đến 30 chỉ tiêu	01 Mẫu	56.000		
+	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	01 Mẫu	64.000		
+	Trên 40 chỉ tiêu	01 Mẫu	72.000		
4	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đối với các quy định về thủ tục hành chính, các phương án đơn giản hoá TTHC.				
a	Người chủ trì cuộc họp.	Người/buổi	120.000	100.000	80.000
b	Các thành viên tham dự họp.	Người/buổi	80.000	70.000	60.000
5	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực				
a)	Theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực (bao gồm cả báo cáo liên ngành)	01 Báo cáo	800.000	650.000	500.000
b)	Trường hợp phải thuê chuyên gia bên ngoài cơ quan	01 Báo cáo	1.200.000	1.000.000	800.000
6	Báo cáo năm, đột xuất về công tác kiểm soát TTHC; công tác tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh.	01 Báo cáo	4.000.000	3.200.000	2.500.000
7	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát TTHC tại các Sở, ngành, địa phương	Người/ngày làm việc	20.000	20.000	15.000

*Ph*